

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP DẠY HỌC GIẢI TOÁN CÓ NỘI DUNG HÌNH HỌC CHO HỌC SINH LỚP 5 THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THEO MÔ HÌNH CỦA LEWIN

NGUYỄN THỊ THU HÀ\*

Ngày nhận bài: 03/05/2017; ngày sửa chữa: 04/05/2017; ngày duyệt đăng: 05/05/2017.

**Abstract:** *Experiential learning is a process through which students develop knowledge, skills, and values from direct experiences outside a traditional academic setting. Application of this method in teaching mathematics plays an important role in developing observation skills, imaginary and thinking ability of students. The article proposes measures to teaching geometric mathematics for student grade 5 through experiential learning with model of Lewin in order to promote the positive of students in learning and help students get better learning outcome.*

**Keywords:** *Experiential activities, geometric mathematics, students, teachers.*

1. Khi áp dụng mô hình của Lewin vào dạy giải toán có nội dung Hình học 5, giai đoạn đầu là “*kinh nghiệm rời rạc*”, giáo viên (GV) hướng cho học sinh (HS) huy động hết các kiến thức cũ có liên quan đến bài tập, kể cả kinh nghiệm của bản thân để làm tiếp giai đoạn tiếp theo là “*Quan sát và phản tỉnh*”. Ở giai đoạn này, HS phân tích đề bài, xác định những dữ liệu đã cho và yêu cầu bài tập, hướng giải quyết bài tập dựa trên những vốn kiến thức đã biết. Từ đây, sang giai đoạn tiếp theo là “*Hình thành khái niệm trừu tượng và khái quát hóa*” chính là HS lập các bước giải bài toán theo trình tự và thực hiện giải bài toán theo yêu cầu. Sau khi tự mình giải được một bài toán, HS có thể áp dụng cách giải đó vào các tình huống tương tự khác cũng chính là giai đoạn cuối cùng của quá trình trải nghiệm là “*Thử áp dụng khái niệm vào tình huống mới*”.

Khi đề xuất biện pháp cần chú ý: - Các biện pháp đưa ra phải nêu bật được cách thức dạy học giải toán có nội dung hình học cho HS lớp 5 thông qua hoạt động trải nghiệm theo mô hình của Lewin; - Các biện pháp phải thể hiện được tinh thần đổi mới phương pháp dạy học môn Toán ở trường phổ thông; - Các biện pháp đề xuất phải có tính thực tiễn cao, đảm bảo được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS khi học giải toán có nội dung hình học thông qua hoạt động trải nghiệm theo mô hình của Lewin.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi đề xuất một số biện pháp vận dụng mô hình của Lewin để dạy học giải toán cho HS lớp 5. Các biện pháp này được thực hiện theo quy trình gồm 4 bước như: 1) Quan sát, nhận biết tình huống có vấn đề; 2) Huy động kiến thức

cũ, phân tích, tìm cách giải quyết vấn đề; 3) Hình thành kĩ năng nhận dạng hình; 4) Vận dụng vào các tình huống mới. Ở mỗi biện pháp đề xuất được minh họa bằng ví dụ qua đó tích cực hóa hoạt động học tập của HS.

**2. Một số biện pháp dạy học giải toán có nội dung hình học cho HS lớp 5 thông qua hoạt động trải nghiệm theo mô hình của Lewin**

**2.1. Dạy biểu tượng hình học cho HS (nhận dạng hình học)**

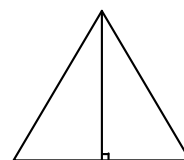
- **Mục tiêu:** Giúp HS nhận dạng nhanh các yếu tố hình học, các dạng hình theo yêu cầu bài tập qua các tình huống khác nhau một cách chính xác.

- **Ví dụ:** Khi dạy bài “*Hình tam giác*” (Toán 5; tr 85). Mục tiêu bài học đặt ra là: + HS nhận biết đặc điểm của hình tam giác: có 3 cạnh, 3 góc, 3 đỉnh; + Phân biệt 3 dạng hình tam giác (phân loại theo góc); + Nhận biết đáy và đường cao tương ứng của hình tam giác. Dựa trên toàn bộ mục tiêu của bài học, GV xây dựng câu hỏi gợi mở, định hướng. HS tự trải nghiệm các thao tác tư duy qua các bước theo mô hình của Lewin để đạt được mục tiêu bài học.

Với mục tiêu “HS nhận biết đặc điểm của hình tam giác: có 3 cạnh, 3 góc, 3 đỉnh” ta làm như sau:

\* **Bước 1.** GV vẽ hình lên bảng (xem hình vẽ) và hỏi: - *Hình trên bảng là hình gì?*;

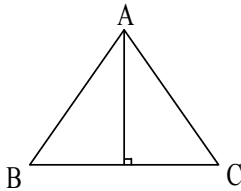
- *Hãy nêu các đặc điểm của hình đó?* (Có bao nhiêu cạnh? Bao nhiêu góc và bao nhiêu đỉnh?).



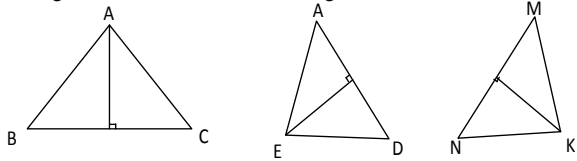
\* Trường Tiểu học Lê Văn Tám, quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

**Bước 2:** Ở các lớp 1, 2, 3, 4 HS đã được học các kiến thức hình học về điểm, đoạn thẳng, nhận biết điểm, đoạn thẳng được gắn với hình, nhận biết được góc và các loại góc => từ đó áp dụng để giải quyết yêu cầu của GV vừa nêu ra: Hình tam giác có 3 cạnh, 3 góc và 3 đỉnh (HS nhận biết 3 đỉnh chính là 3 điểm được tạo bởi hai cạnh tiếp nhau).

**Bước 3:** GV điền các chữ cái vào hình tam giác và hỏi: - *Đọc tên hình tam giác?*; - *Hãy nêu các đặc điểm của hình tam giác?* => Từ kiến thức HS vừa được cung cấp qua bước 2 (hình tam giác có 3 cạnh, 3 góc, 3 đỉnh), HS áp dụng để nêu được các đặc điểm của hình tam giác ABC: + Hình tam giác ABC có 3 cạnh: cạnh AB, cạnh AC, cạnh BC; + Có 3 đỉnh: đỉnh A, B, C; + Có 3 góc: góc đỉnh A, góc đỉnh B, góc đỉnh C.

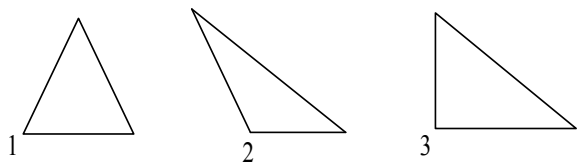


**Bước 4:** Sau khi HS đã chắc kĩ năng nhận dạng các đặc điểm của hình tam giác, GV đưa ra bất kì tình huống khác như: hình tam giác với các dạng khác nhau, các tên gọi khác nhau, HS đều nêu được các đặc điểm của hình tam giác và đọc được tên các cạnh, các góc và các đỉnh của tam giác đó.



Với mục tiêu "Phân biệt 3 dạng hình tam giác (phân loại theo góc)", HS tự trải nghiệm để nắm bắt kiến thức, cụ thể với các bước như sau:

**Bước 1:** GV nêu câu hỏi: - Các hình tam giác trên có đặc điểm gì giống và khác nhau?



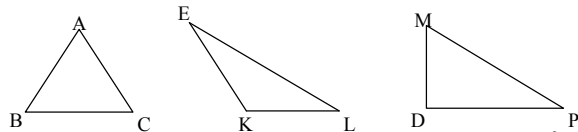
- HS quan sát hình, nhận biết tình huống là so sánh về số lượng cạnh, góc, đỉnh của 3 tam giác trên và chỉ rõ được sự khác nhau về các góc trong 3 tam giác trên.

**Bước 2:** GV cho HS so sánh các đặc điểm của 3 hình tam giác để tìm ra các đặc điểm giống nhau và khác nhau về cạnh, góc và đỉnh. Cụ thể: - *Giống nhau:* có 3 cạnh, 3 góc và 3 đỉnh; - *Khác nhau:* Mỗi tam giác có sự khác nhau về góc. (HS vận dụng các

kiến thức về góc đã học ở lớp 3, 4 để nhận biết về sự khác nhau giữa các góc trong 3 hình tam giác) => Tam giác 1 có cả 3 góc đều là góc nhọn. Tam giác 2 có 1 góc tù và có 2 góc nhọn. Tam giác 3 có 1 góc vuông và có 2 góc nhọn;

GV nêu câu hỏi: - Vì sao em biết tam giác 2 có một góc tù? (vì góc đó lớn hơn - Vì sao em biết tam giác 3 có một góc vuông? (vì góc đó bằng  $90^\circ$ ) => GV yêu cầu HS thực hành dùng ê ke để kiểm tra lại các góc mà em cho đó là góc nhọn, góc tù và góc vuông trong 3 tam giác.

**Bước 3:**



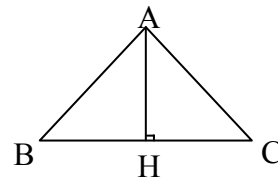
GV nêu câu hỏi: - *Hãy nêu tên gọi và đặc điểm của 3 hình tam giác trên (HS vận dụng kiến thức vừa học để giải quyết vấn đề):* + Hình tam giác ABC có 3 góc nhọn...; + Hình tam giác EKL có góc tù đỉnh K...; + Hình tam giác MDP có góc vuông đỉnh D...

**Bước 4:** HS vận dụng vào làm bài tập số 1 - **Toán 5**; tr 86.

Với mục tiêu "Nhận biết đáy và đường cao tương ứng của hình tam giác", HS tự trải nghiệm và nắm bắt kiến thức thông qua các bước như sau:

**Bước 1:** - Yêu cầu HS vẽ tam giác có 3 góc nhọn và hỏi: Cạnh đối diện với đỉnh A là cạnh nào? (Cạnh đối diện với đỉnh A là cạnh BC); - *Hãy vẽ một đường thẳng đi qua đỉnh A và vuông góc với cạnh đối diện với đỉnh A là cạnh BC.*

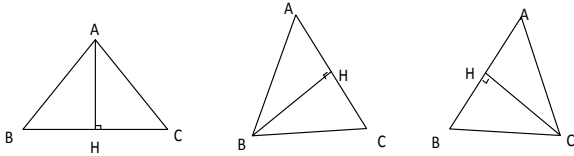
**Bước 2:** - Ở lớp 4, HS đã học cách vẽ hai đường thẳng vuông góc, biết đâu là đỉnh, cạnh đối diện của các hình đã học từ lớp 3 và 4. Vận dụng những kiến thức đã học đó để giải quyết yêu cầu của GV; - *Điểm cắt giữa đường thẳng đó với cạnh BC gọi là điểm H.* (HS đặt tên trên hình). => GV giới thiệu: Đường thẳng AH hạ từ đỉnh A xuống cạnh đối diện và vuông góc với cạnh đó được gọi là đường cao của hình tam giác ABC, cạnh BC đối diện với đỉnh A gọi là cạnh đáy và độ dài đoạn thẳng AH là chiều cao của tam giác ABC.



- Cho HS nhắc lại (theo dãy): đường cao AH, cạnh đáy BC.

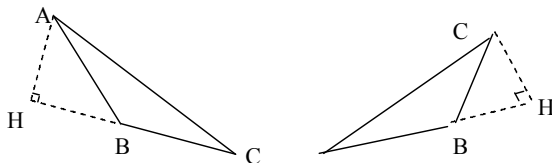
**Bước 3:** Sau khi HS nhận biết thế nào là đường cao, chiều cao, cạnh đáy của hình tam giác. GV đặt câu hỏi: - *Trong tam giác có 3 góc nhọn, vẽ được bao nhiêu đường cao?* => HS phải huy động các kiến thức

đã học để tìm câu trả lời của GV. HS tự vẽ các đường cao còn lại từ 2 đỉnh B, C. Rút ra được câu trả lời: Trong tam giác có 3 góc nhọn, vẽ được 3 đường cao từ các đỉnh của tam giác đó; - Các đường cao của tam giác này nằm ở trong hay ngoài hình tam giác? (đều nằm ở trong).



- Cho HS nhắc lại cách vẽ đường cao và cách nhận biết đường cao của hình tam giác.

**Bước 4:** GV yêu cầu: - Với tam giác có 2 góc nhọn và một góc tù, tam giác có một góc vuông và hai góc nhọn, các em hãy suy nghĩ và vẽ đường cao của các hình tam giác đó; - Với tam giác có 2 góc nhọn và một góc tù, HS sẽ lúng túng khi vẽ đường cao hạ từ đỉnh của hai góc nhọn; - GV nên giúp đỡ và gợi ý cho HS vẽ. Chẳng hạn: + Kéo dài đáy sang 2 bên; + Kẻ đường cao từ đỉnh vuông góc xuống đáy; => HS thực hành và vẽ đúng là:



Đáy BC, đường cao AH

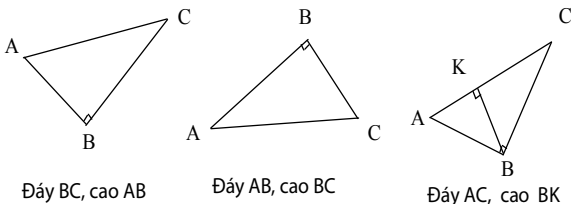
Đáy AB, đường cao CH

- Em có nhận xét gì về vị trí các đường cao trong tam giác này?

(Hai đường cao hạ từ hai góc nhọn, các đường cao đó nằm ngoài hình tam giác. Đường cao hạ từ đỉnh góc tù nằm bên trong hình tam giác).

- Với tam giác có hai góc nhọn và một góc vuông, vận dụng cách vẽ đường cao từ hai dạng tam giác trên, học sinh nhận thấy đường cao hạ từ hai góc nhọn trùng với hai cạnh góc vuông. Ta chỉ vẽ được 1 đường cao hạ từ đỉnh góc vuông xuống cạnh đối diện).

- Cho HS điền tên hình, nêu tên các đường cao và cạnh đáy tương ứng của tam giác vuông đó.



Đáy BC, cao AB

Đáy AB, cao BC

Đáy AC, cao BK

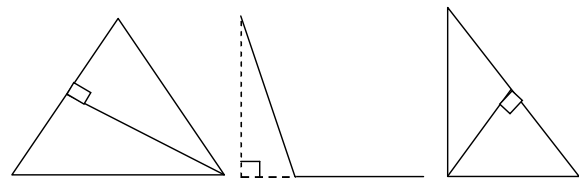
- Em có nhận xét gì về vị trí các đường cao trong tam giác có một góc vuông này?

(Các đường cao trong tam giác vuông : 2 cạnh góc vuông vuông góc với nhau chính là 2 đường cao tương ứng với đáy và 1 đường cao nữa nằm trong tam giác).

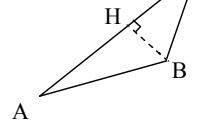
- Vậy trong một tam giác có tất cả bao nhiêu đường cao? (3 đường cao)

**Kết luận:** Trong một tam giác, thông thường có thể kẻ được ba đường cao tương ứng với ba đáy của nó. Tùy vào hình dạng, đặc điểm của tam giác và đáy của nó mà đường cao tam giác có thể nằm trong hay nằm ngoài hay chính là cạnh của tam giác.

Hoặc cho HS vận dụng giải quyết tình huống: *Hãy chỉ ra đáy và đường cao tương ứng được vẽ trong mỗi hình tam giác dưới đây* (bài tập 2 - Toán 5; tr 86).



**2.2. Xây dựng công thức tính chu vi, diện tích, thể tích của các hình tam giác, hình thang, hình hộp chữ nhật, hình lập phương:**



Đáy AC, đường cao BH

- **Mục tiêu:** Giúp HS tìm tòi, khám phá, thử nghiệm các cách cắt ghép hình để tự mình tìm ra cách thức xây dựng các công thức tính chu vi, diện tích, thể tích của các hình tam giác, hình thang, hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- **Ví dụ:** Khi dạy bài "Diện tích hình tam giác" (Toán 5; tr 87).

Mục tiêu bài học đặt ra là: - HS nắm được quy tắc, công thức tính diện tích hình tam giác; - Vận dụng quy tắc và công thức để làm tốt các bài toán về tính diện tích hình tam giác. Dựa trên toàn bộ mục tiêu của bài học, GV xây dựng câu hỏi gợi mở, định hướng. HS tự trải nghiệm các thao tác tư duy qua các bước theo mô hình của Lewin theo các bước sau:

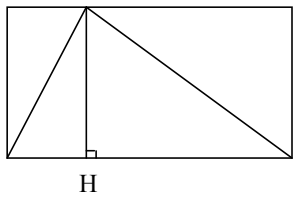
**Bước 1:** - GV nêu yêu cầu: Từ hai tam giác bằng nhau mà các em đã chuẩn bị, hãy tìm cách cắt, ghép thành một hình mà các em đã biết cách tính diện tích; - HS suy nghĩ, tìm cách cắt ghép.

**Bước 2:** Ở lớp 3, 4 HS đã học cách tính diện tích của hình chữ nhật, hình vuông, hình bình hành, hình thoi. Từ việc quan sát, suy nghĩ, tưởng tượng của mình, HS lựa chọn được các cách cắt, ghép như sau:

- Từ hai hình tam giác bằng nhau => Cắt, ghép được thành hình chữ nhật.

- Từ hai hình tam giác bằng nhau => ghép được thành hình bình hành.

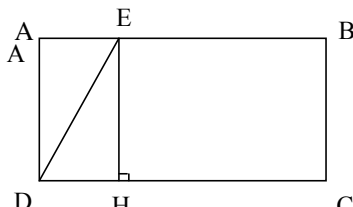
- Từ hai hình tam giác bằng nhau => ghép được thành hình thoi.



=> GV chốt lại: Các cách cắt, ghép trên đều đúng. Lấy cách cắt, ghép từ hai hình tam giác bằng nhau => thành hình chữ nhật để xây dựng công thức tính diện tích hình tam giác. Sở dĩ ta xây dựng quy tắc tính diện tích hình tam giác được thực hiện từ diện tích hình chữ nhật mà không từ diện tích hình bình hành vì muốn giữ tính ổn định và kế thừa từ cách xây dựng đã trở thành thói quen với HS. Từ lớp 4, HS đã xây dựng cách tính diện tích hình bình hành và diện tích hình thoi từ diện tích hình chữ nhật.

**Bước 3:**

- GV: gọi tên hình chữ nhật là ABCD, đường cao EH của tam giác EDC.



- Hãy so sánh diện tích của hình chữ nhật ABCD với diện tích tam giác EDC.

(Diện tích hình chữ nhật ABCD gấp 2 lần diện tích tam giác EDC. Vì diện tích hình chữ nhật ABCD bằng diện tích của 2 tam giác bằng nhau ghép lại)

- Yêu cầu HS dựa vào cách so sánh và cách tính diện tích hình chữ nhật => Hãy tìm cách tính diện tích hình tam giác EDC (HS thảo luận nhóm, tìm cách tính).

- Đại diện một số nhóm lên nêu cách làm: + Tính diện tích hình chữ nhật ABCD:

- Hãy nhận xét các yếu tố chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật ABCD với cạnh đáy, chiều cao của tam giác EDC. Chiều dài AB, DC của hình chữ nhật ABCD bằng với độ dài đáy DC của hình tam giác EDC. Chiều rộng AD, BC của hình chữ nhật ABCD bằng với chiều cao EH của hình tam giác EDC.

- Dựa trên các mối quan hệ đó, ta có thể tính diện tích hình chữ nhật dựa trên các yếu tố nào của hình tam giác (dựa trên các yếu tố chiều cao, cạnh đáy của hình tam giác EDC).

$$\Rightarrow S_{ABCD} = AB \times BC = DC \times EH$$

- Từ cách tính này, ta tính diện tích hình tam giác EDC như thế nào?

(Lấy độ dài đáy DC nhân với chiều cao EH rồi chia cho 2 =>  $S_{EDC} = DC \times EH : 2$ )

- Vậy muốn tính diện tích hình tam giác em làm như thế nào?

(..... lấy độ dài đáy nhân với chiều cao (cùng đơn vị đo) rồi chia cho 2)

=> GV: đó chính là cách tính diện tích hình tam giác).

- GV: Trong một hình tam giác, gọi độ dài cạnh đáy là a; gọi chiều cao là h; gọi diện tích hình tam giác là S. Hãy suy nghĩ và viết công thức tính diện tích hình tam giác.

$$\Rightarrow \text{Công thức đúng là: } S = \frac{a \times h}{2}$$

**Bước 4:** Sau khi nắm được quy tắc và công thức tính diện tích hình tam giác, GV cho HS vận dụng giải các bài Luyện tập (Bài 1, 2 - Toán 5; tr 88).

### 2.3. Vận dụng công thức tính chu vi, diện tích, thể tích của các hình vào giải các bài toán có nội dung hình học:

- **Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng linh hoạt, sáng tạo các công thức tính chu vi, diện tích, thể tích các hình đã học vào giải các bài toán có nội dung hình học.

- **Ví dụ:** Đây là những dạng toán kết hợp số học và hình học nên khá phức tạp nhưng cũng rất lí thú. Các bài toán áp dụng công thức tính chu vi, diện tích, thể tích các em chỉ cần hiểu và nhớ công thức là giải được. Các bài toán mà các thành phần trong công thức chưa có sẵn, phải giải các bài toán phụ để tìm ra các thành phần đó. Vì vậy yêu cầu các em phải vận dụng kiến thức một cách linh hoạt sáng tạo. Trong thực tế có nhiều bài toán phải qua nhiều bước giải như: so sánh độ dài, diện tích, thể tích, vẽ thêm đường phụ,... rồi mới tính được chu vi, diện tích hay thể tích.

Đối với những bài toán tính diện tích các hình không quen thuộc (không có công thức tính), có hai giải pháp: - Chia hình đó thành các hình dễ tính để tính diện tích (hình quen thuộc); - Bổ sung vào hình đó một số hình có thể tính được diện tích để được hình mới để tính diện tích hơn...

Do vậy, GV Áp dụng mô hình của Lewin để dạy vận dụng công thức tính chu vi, diện tích, thể tích của các hình vào giải các bài toán có nội dung hình học thông qua ví dụ sau:

**Bài toán:** Một cái thùng không nắp dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1,5m, chiều rộng 0,6m và chiều cao 8dm. Người ta sơn mặt ngoài của thùng. Hỏi **diện tích** quét sơn là bao nhiêu m<sup>2</sup> (Bài 2 - Toán 5; tr 110).

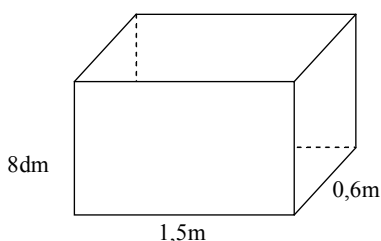
**Giải**

**Bước 1: Tìm hiểu nội dung bài toán:** - Bài toán cho biết: Chiều dài: 1,5m; chiều rộng: 0,6m; chiều cao:

8dm = 0,8m; - Bài toán yêu cầu: Tính diện tích quét sơn mặt ngoài thùng.

**Bước 2:** GV hướng dẫn để HS nhận thấy:

- Quét sơn mặt ngoài thùng tức là quét sơn toàn bộ các mặt ngoài của thùng; - Thùng



có dạng hình hộp chữ nhật. Vậy muốn tính diện tích cần quét sơn, cần tính diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật đó; - Để tính được diện tích  $S_{tp}$  của hình hộp chữ nhật, dựa vào dữ kiện của bài, HS dễ dàng tính được diện tích xung quanh. Cần lưu ý HS, ở đây chỉ có 1 đáy (vì thùng không nắp) và chiều cao không cùng đơn vị đo với các đại lượng khác nhau nên phải đổi về cùng một đơn vị đo.

**Bước 3:** Trình bày lời giải: Đổi: 8dm = 0,8m.

Diện tích xung quanh của cái thùng là:  $(1,5 + 0,6) \times 2 \times 0,8 = 3,36 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích 1 mặt đáy là:  $1,5 \times 0,6 = 0,9 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích quét sơn của cái thùng là:  $3,36 + 0,9 = 4,26 \text{ (m}^2\text{)}$

Đáp số: 4,26m<sup>2</sup>

**Bước 4.** GV nêu một số bài tập cho HS vận dụng:

**Ví dụ 1:** Người ta gò một cái thùng tôn không có nắp hình lập phương có cạnh là 40cm. Tính diện tích tôn dùng để gò thùng, biết rằng các mép hàn dùng lượng tôn không đáng kể; **Ví dụ 2:** Một hình hộp chữ nhật có diện tích xung quanh là 79,8cm<sup>2</sup>, chiều cao là 4,2cm. Tính thể tích của hình hộp chữ nhật đó, biết chiều dài hơn chiều rộng 0,5cm.

**3.** Việc vận dụng hoạt động trải nghiệm vào dạy giải toán có nội dung hình học cho HS lớp 5 là cơ sở khoa học vững vàng, có tính khả thi, đạt được mục tiêu là đổi mới được hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát huy được tính tích cực, chủ động của HS trong quá trình tiếp thu kiến thức mới. Đồng thời, rèn cho các em được khả năng làm việc độc lập hay hợp tác nhóm, phát huy được tối đa óc tưởng tượng, sáng tạo của các em, phát triển được tư duy trừu tượng rất cần thiết cho các em học tập sau này ở các bậc học cao hơn. Khi vận dụng hoạt động trải nghiệm này, đòi hỏi GV cần linh hoạt, sáng tạo, nắm chắc được kiến thức cần truyền thụ, mô hình, quy trình hoạt động trải nghiệm, từ đó xây dựng hệ thống câu hỏi gợi mở, hướng dẫn một cách tinh tế giúp HS tự khám phá và chiếm lĩnh, ghi nhớ kiến thức một cách chủ động và sáng tạo. Hoạt động trải nghiệm này không chỉ áp

dụng trong phạm vi một chương mà trong các mạch kiến thức khác của môn Toán cũng như trong các môn học khác. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Thị Ngọc Uyên (2013). *Vận dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của David A. Kolb vào dạy học môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học*. Tạp chí Giáo dục số 314, tr 36-38.
- [2] Trần Thị Kim Cương (2008). *Tìm tòi lời giải Hình học 5*. NXB Giáo dục
- [3] Trần Diên Hiển (2007). *Thực hành giải toán ở Tiểu học (tập 2)*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Bộ GD-ĐT (2011). *Toán 5*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Bùi Văn Huệ (2014). *Giáo trình Tâm lý Tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Vũ Dương Thụy (chủ biên) - Nguyễn Ngọc Hải - Vũ Thị Thanh Hương (2008). *Học giỏi Toán 5*. NXB Giáo dục.

## Một số biện pháp tổ chức...

(Tiếp theo trang 161)

thành những kiến thức của bản thân các em. Kiến thức LS của chương trình hệ dự bị đại học mà HS cần phải học rất nhiều, trong khi HS ở trường 100% là con em DTTS, có nhiều hạn chế và trở ngại về mọi mặt. Vì vậy, để giúp các em lĩnh hội kiến thức bền vững, đòi hỏi GV cần tổ chức, hướng dẫn HS phương pháp ôn luyện hiệu quả; đồng thời, HS cũng cần được phát huy tính tích cực tự giác trong học tập. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2007). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử*. NXB Giáo dục.
- [2] I.F. Kharlamốp (1978). *Phát huy tính tích cực học tập của học sinh như thế nào (tập 1)*. NXB Giáo dục.
- [3] *Lênin toàn tập (tập 29)* (2006). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Phan Ngọc Liên (2003). *Lịch sử và giáo dục lịch sử*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Hồ Ngọc Đại (1991). *Bài học là gì*. NXB Giáo dục.
- [6] Nguyễn Thị Côi (2006). *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Nguyễn Tiến Hỷ (2004). *Ôn tập môn Lịch sử theo chủ đề*. NXB Đại học Sư phạm.
- [8] Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên) (2007). *Lịch sử 10*. NXB Giáo dục.
- [9] Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên) (2012). *Lịch sử 12*. NXB Giáo dục Việt Nam.